

Bản án số: 72/2023/DS-ST
Ngày: 11-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cát và ông Nguyễn Phúc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 153/2022/TLST-DS ngày 20/12/2022 Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 15/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-DS ngày 31/3/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 1050/2023/TB-TA ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐA, tên viết tắt: ĐAB (DAB). Địa chỉ trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 03, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T (Theo Văn bản ủy quyền số 163/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022 của ông Nguyễn Thanh T): Bà Nguyễn Thị M, chức danh: Giám đốc Phòng giao dịch Thanh Xuân - Chi nhánh thành phố Hà Nội; bà Nguyễn Thị M có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1987; ĐKHKT: Số x Ngõ y BB Đoàn, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số Z Ngõ ZZ QT, phường QT, quận HĐ, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền Ngân hàng TMCP ĐA trình bày:

[1.1]. Về quan hệ tín dụng:

Ngày 08/9/2014, bà Đặng Thị Th ký với Ngân hàng TMCP ĐA (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ (sau đây gọi chung là “Hợp đồng”). Căn cứ Hợp đồng và thu nhập của bà Th, Ngân hàng đã đồng ý cho bà Th vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất 9%/năm. Các điều khoản chi tiết của khoản vay được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng.

Ngày 08/11/2014, Ngân hàng giải ngân cho bà Th vay 30.000.000 đồng, theo thỏa thuận ngày đến hạn là 08/11/2017. Sau khi được vay số tiền trên, đến ngày 14/11/2016, bà Th đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 23.388.833 đồng, gồm tiền gốc: 16.162.644 đồng; tiền lãi: 7.180.541 đồng và tiền lãi quá hạn: 45.648 đồng.

Kể từ sau ngày 14/11/2016, bà Th không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, đã vi phạm cam kết của người vay nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang dư nợ quá hạn, đồng thời áp dụng lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn. Tính đến ngày 06/9/2022, bà Th còn nợ ngân hàng số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng, cụ thể như sau:

- Tiền nợ gốc: 13.837.356 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 919.459 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 10.923.710 đồng.

Tại thời điểm bà Th đăng ký vay tiền Ngân hàng, bà Th là cán bộ thuộc Ban Quản lý dự án giao thông 1 - Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Ngày 01/10/2014, Ban Quản lý dự án giao thông 1 đã ký Văn bản Thỏa thuận liên kết T0010-14/HĐLK để phối hợp triển khai sản phẩm Cho vay trả góp đối với khách hàng là cá nhân chịu sự quản lý, giám sát của Ban Quản lý.

[1.2]. Yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà Th thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng bà Th đều không thực hiện nên Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Đặng Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền còn nợ tính đến ngày 06/9/2022 theo Hợp đồng đã ký kết, gồm:

Tiền nợ gốc: 13.837.356 đồng;

- Tiền lãi trong hạn: 919.459 đồng;

- Tiền lãi quá hạn: 10.923.710 đồng.

2. Bà Đặng Thị Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

3. Án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành các thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tiến hành thông báo thụ lý, triệu tập bị đơn đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt, do đó Tòa án không lấy lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng cư trú của bà Đặng Thị Th tại Công an phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, thể hiện: bà Đặng Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số x Ngõ y BB Đoàn, phường NT, quận HD, thành phố Hà Nội; trước đây bà Th sinh sống tại địa chỉ trên nhưng đến nay bà Th không còn sinh sống tại đây, hiện nay Công an phường không biết bà Th ở đâu.

Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng cư trú của bà Đặng Thị Th tại Công an phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, thể hiện: năm 2012, bà Đặng Thị Th có tạm trú tại Số Z Ngõ ZZ QT, phường QT, quận HD, thành phố Hà Nội, đến năm 2015 bà Th ly hôn và từ khoảng tháng 6 năm 2015 không còn sinh sống tại đây, hiện nay Công an phường không nắm được thông tin cư trú của bà Th.

Xác minh qua mẹ đẻ của bà Th là bà Lã Thị P, hiện cư trú tại địa chỉ Số Z Ngõ ZZ QT, phường QT, quận HĐ, thành phố Hà Nội, bà P khai hiện Th đang thuê nhà sống và làm việc ở trung tâm Hà Nội, bà P không biết địa chỉ cụ thể, một tháng Th liên hệ với bà P vài ba lần, các văn bản, quyết định của Tòa án gửi cho Th đều được bà P nhận và chụp ảnh gửi cho Th trong cùng ngày.

Do bị đơn không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú theo các địa chỉ ghi trong Hợp đồng và địa chỉ do nguyên đơn cung cấp; không ai biết địa chỉ hiện nay của bị đơn, Tòa án không tiến hành tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng nên đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để bà Th biết được yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, quá trình giải quyết vụ án của Tòa án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các thông báo mở phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa:

[3.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên, cụ thể:

- Buộc bà Đặng Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền còn nợ tính đến ngày 11/7/2023 theo Hợp đồng đã ký kết, gồm:

Tiền nợ gốc: 13.837.356 đồng;

- Tiền lãi trong hạn: 919.459 đồng;

- Tiền lãi quá hạn: 12.581.987 đồng;

Tổng cộng: 27.338.793 đồng.

- Bà Đặng Thị Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 12/7/2023 cho đến trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

- Bà Đặng Thị Th phải chịu toàn bộ án phí.

[3.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa có quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật:

[3.2.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa và trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt

không có lý do, vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc bà Đặng Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền còn nợ tính đến ngày 11/7/2023 theo Hợp đồng đã ký kết;

- Bà Đặng Thị Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/7/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

- Án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ngân hàng thương mại cổ phần ĐA, tên viết tắt: ĐAB (DAB) được thành lập ngày 27/3/1992, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, trong đó có hoạt động cấp tín dụng vì mục đích lợi nhuận. Bà Đặng Thị Th đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú tại quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Bà Th vay tiền Ngân hàng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, biện pháp bảo đảm là lương và các thu nhập theo Văn bản Thỏa thuận liên kết ký giữa cơ quan chủ quản nơi bà Th làm việc tại thời điểm đề nghị vay là Ban Quản lý dự án giao thông 1 thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội, bà Th là viên chức, không hoạt động kinh doanh, thương mại, không có mục đích lợi nhuận. Do đó, xác định Hợp đồng giữa các bên là hợp đồng tín dụng, thuộc loại hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này là tranh chấp về dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định về thẩm quyền theo loại việc và lãnh thổ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc đưa người tham gia tố tụng trong vụ án: Khi bà Th vay tiền Ngân hàng, giữa Ngân hàng và Ban Quản lý dự án giao thông 1 thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội là cơ quan nơi bà Th công tác có ký Văn bản Thỏa thuận liên kết số 0010-14/HĐLK ngày 01/10/2014 để phối hợp triển khai sản phẩm Cho vay trả góp đối với khách hàng là cá nhân chịu sự quản lý, giám sát của Ban Quản lý, theo đó, Ban Quản lý dự án giao thông 1 cam kết thu hộ Ngân hàng tiền nợ của bà Th, trường hợp bà Th không còn chịu sự quản lý của Ban Quản lý dự án giao thông 1 thì Ban Quản lý dự án giao thông 1 có trách nhiệm thông báo ngay cho Ngân hàng để cùng giải quyết thu hồi nợ.

Tại Công văn số 347/BQLCTGT-HCTC ngày 28/02/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội cung cấp: “Trong thời gian từ ngày 01/12/2011 đến ngày 30/6/2016, bà Đặng Thị Th, sinh ngày 06/6/1987 có địa chỉ thường trú tại Số 6 Ngõ 1 Bùi Bằng Đoàn, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã công tác tại Ban Quản lý dự án giao thông 1 – Sở Giao thông vận tải Hà Nội. Đến ngày 01/7/2016, Ban Quản lý dự án giao thông 1 đã chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đặng Thị Th theo nguyện vọng của cá nhân bà Th. Từ ngày 01/01/2017, Ban Quản lý dự án Giao thông 1 (trước đây) đã hợp nhất thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội. Đến nay, bà Đặng Thị Th không thuộc đối tượng quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội. Mọi nghĩa vụ và trách nhiệm liên quan đến bà Đặng Thị Th đề nghị các bên liên quan liên hệ trực tiếp với bà Đặng Thị Th để giải quyết”.

Người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng được biết bà Th không còn làm việc tại Ban Quản lý dự án giao thông 1 (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội kế thừa quyền và nghĩa vụ) nữa nhưng Ngân hàng không yêu cầu Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay của bà Th và đề nghị Tòa án không đưa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét đây là quyền dân sự của các bên, việc Ngân hàng không yêu cầu xem xét trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội là tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án không đưa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội tham gia tố tụng.

1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là bà Đặng Thị Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Kể từ thời điểm sau khi vay tiền, nguyên đơn không được bà Th thông báo về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú. Theo tài liệu Tòa án thu thập, bà Th không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp; không ai biết hiện bà Th đang cư trú ở đâu. Như vậy, việc bà Th vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vắng mặt bà Th.

Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, trong đó có Thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc thu thập chứng cứ, hòa giải của Tòa án, đã bảo đảm thời hạn niêm yết văn bản nhưng Tòa án không nhận được ý kiến của bà Th, do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và Tòa án thu thập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Xét thấy, bị đơn không có yêu cầu phản tố, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Quan hệ tín dụng: Theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký ngày 08/9/2014 giữa bà Đặng Thị Th và Ngân hàng TMCP ĐA, Ngân hàng đồng ý cho bà Th vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất 9%/năm (= 0,75%/tháng); các điều khoản chi tiết của khoản vay được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng; lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn (Mục III. Phần cam kết của người vay). Việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng như trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết và phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Ngày 08/11/2014, Ngân hàng giải ngân cho bà Th vay 30.000.000 đồng là thực hiện đúng cam kết của bên cho vay.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả nợ:

Sau khi được vay số tiền 30.000.000 đồng, đến ngày 14/11/2016, bà Th đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 23.388.833 đồng, gồm tiền nợ gốc: 16.162.644 đồng; tiền lãi: 7.180.541 đồng và tiền lãi quá hạn: 45.648 đồng. Kể từ sau ngày 14/11/2016, bà Th không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân

hàng theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, đã vi phạm cam kết của bên vay nên Ngân hàng có quyền xử lý nợ theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: theo Bản sao kê thanh toán của Ngân hàng, tính đến ngày 11/7/2023, bà Th còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 13.837.356 đồng là có căn cứ nên chấp nhận;

- Đối với yêu cầu tính lãi: căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất được tính đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: Ngân hàng tính theo lãi suất các bên thỏa thuận là 9%/năm (0,75%/tháng) là phù hợp, trong phạm vi khung lãi suất cho vay ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-DAB ngày 05/3/2014 của Ngân hàng TMCP ĐA, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả, tính đến ngày 11/7/2023, lãi trong hạn là 919.459 đồng.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: Ngân hàng tính theo thỏa thuận của các bên bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn ($13,5\%/năm = 1,125\%/tháng$) là phù hợp. Bà Th không thanh toán tiền vay đúng thời hạn là vi phạm thỏa thuận đã ký kết nên Ngân hàng có quyền chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 10/8/2016, đồng thời áp dụng lãi suất quá hạn là có căn cứ, số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 11/7/2023 là 12.581.987 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn là đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký giữa các bên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, trong phạm vi khung lãi suất cho vay ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-DAB ngày 05/3/2014 của Ngân hàng TMCP ĐA nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, buộc bà Th phải thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nêu trên, tổng cộng là 27.338.793 đồng.

Đồng thời, bà Đặng Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/7/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng.

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Ngân hàng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Đặng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $5\% \times 27.338.793 \text{ đồng} = 1.366.938 \text{ đồng}$, làm tròn thành 1.367.000 đồng.

[4]. Áp dụng Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 302, 305, 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐA đối với bà Đặng Thị Th về Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký ngày 08/9/2014 giữa bà Đặng Thị Th ký Ngân hàng TMCP ĐA.

- Buộc bà Đặng Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐA các khoản tiền sau:

+ Tiền nợ gốc: 13.837.356 (mười ba triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi sáu) đồng;

+ Tiền lãi trong hạn: 919.459 (chín trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng;

+ Tiền lãi quá hạn: 12.581.978 (mười hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn chín trăm bảy mươi tám) đồng.

Tổng cộng: 27.338.793 (hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi ba) đồng.

- Kể từ ngày 12/7/2023, bà Đặng Thị Th tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ký ngày 08/9/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 642.000 (sáu trăm bốn mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010925 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự

quận Hà Đông. Bị đơn bà Đặng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 1.367.000 (một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 11/7/2023. Bị đơn bà Đặng Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Ngô Thị Ánh